

Số: /2026/NQ-HĐND Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Nghị quyết quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số..... của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa, nhiệm kỳ thông qua tại Kỳ họp thứ ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các phường, xã;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố, Báo và PTTT Đà Nẵng, Ban Chuyên đề CA TPĐN, Trung tâm THVN khu vực MTTN (VTV8);
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm
2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các nội dung, mức hỗ trợ và thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

2. Dự án sản xuất công nghiệp hỗ trợ là dự án đầu tư tại thành phố Đà Nẵng để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

3. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại:

a) Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

b) Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng:

- Linh kiện, cụm linh kiện, thiết bị và giải pháp phục vụ sản xuất, lắp ráp du thuyền, các loại tàu, thuyền khác bằng kim loại, vật liệu mới;

- Linh kiện, cụm linh kiện, thiết bị phục vụ sản xuất, lắp ráp các loại phương tiện giao thông và vận tải;

- Linh kiện, cụm linh kiện, thiết bị và giải pháp cơ khí phục vụ các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, logistics, hàng hải và các ngành kinh tế khác;

- Hóa chất, keo dán cung cấp cho công nghiệp ô tô, cơ khí, may mặc, chế biến gỗ;

- Bao bì giấy, kim loại cung cấp cho sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; bao bì cung cấp cho ngành chế biến xuất khẩu thủy sản đông lạnh;

- Các sản phẩm ngành công nghiệp môi trường: công nghệ, thiết bị, sản phẩm để giải quyết các vấn đề ô nhiễm, thu gom, xử lý chất thải.

4. Hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ là các hoạt động được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ).

5. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động xúc tiến, trợ giúp phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm mục tiêu phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong một giai đoạn xác định là 05 (năm) năm hoặc hàng năm.

6. Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng (đơn vị trực thuộc Sở Công Thương).

7. Đơn vị triển khai: Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng, các tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ công nghiệp hỗ trợ, các hội, hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

8. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp có hoạt động sản xuất các sản phẩm quy định tại khoản 3 Điều này.

9. Doanh nghiệp siêu nhỏ; doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa được xác định theo quy định tại Chương II Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước được thành phố bố trí hàng năm cho chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo kế hoạch và bổ sung theo thực tế phát sinh.

2. Nguồn huy động vốn xã hội hóa, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Không hỗ trợ đối với các dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của Nhà nước hoặc nhận từ nguồn khác của Nhà nước cho cùng một nội dung hỗ trợ.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ của Nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung, thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Điều kiện được hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Chương II của Quy định này.
2. Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện dự án đối với các nội dung hỗ trợ tại khoản 4 Điều 10 và khoản 6 Điều 12.
4. Cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung hỗ trợ.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Hỗ trợ nâng cao năng lực doanh nghiệp trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện tư vấn cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế.
2. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện tư vấn nâng cao năng lực kinh doanh, bao gồm chiến lược phát triển, hệ thống quản trị và điều hành, tối ưu hóa chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ
3. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện tư vấn cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, bao gồm tư vấn chuẩn bị đầu tư, phát triển dự án và các nội dung liên quan đến triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ
4. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí tư vấn cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để thực hiện hoạt động mua bán, sáp nhập, bao gồm: thủ tục pháp lý, tìm kiếm cung cấp thông tin, đánh giá năng lực doanh nghiệp, thuê chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn.

Điều 8. Hỗ trợ xúc tiến thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; hợp tác quốc tế, xúc tiến thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức hội thảo, diễn đàn, hội nghị nhằm xúc tiến thu hút đầu tư, kết nối doanh nghiệp trong và ngoài nước trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Các nội dung cụ thể: thuê hội trường, thiết bị; công tác tổ chức, đón tiếp, trang trí; thù lao, chi phí đi lại và lưu trú cho báo cáo viên; tổ chức hội chợ, triển lãm trong khuôn khổ sự kiện; tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức Hội chợ triển lãm kết nối công nghiệp hỗ trợ tại thành phố Đà Nẵng, với quy mô tối thiểu 20 đơn vị tham gia; mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/01 đơn vị, gồm đơn vị trong và ngoài địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Các nội dung cụ thể: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng và trang trí chung của Hội chợ; Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng); Tổ chức khai mạc, bế mạc, gồm: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, sân khấu, âm thanh, ánh sáng, dẫn chương trình, văn nghệ; Tổ chức hội thảo/ hội nghị trong khuôn khổ sự kiện: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, đón tiếp, trang trí; Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định; Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm.

Miễn thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để quảng bá, tuyên truyền sự kiện trên băng rôn, phướn treo tại khu vực tổ chức và các tuyến đường trên địa bàn thành phố.

3. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức đoàn tham gia hội chợ triển lãm và kết nối công nghiệp hỗ trợ ở trong nước, với quy mô tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia.

Các nội dung cụ thể: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng và trang trí chung của khu vực thành phố Đà Nẵng; Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng); Vận chuyển hàng hóa, tài liệu trưng bày tại sự kiện; Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định; Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì.

4. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức đoàn tham gia hội chợ triển lãm chuyên ngành liên quan đến công nghiệp hỗ trợ tại nước ngoài, với quy mô tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia; mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/doanh nghiệp.

Các nội dung cụ thể: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng và trang trí chung của khu vực thành phố Đà Nẵng; Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng); Vận chuyển hàng hóa, tài liệu trưng bày tại sự kiện; Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định; Vé máy bay và công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì.

5. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức đoàn xúc tiến thương mại hoặc xúc tiến đầu tư tại nước ngoài, với quy mô tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia; mức hỗ trợ tối đa không quá 60 triệu đồng/doanh nghiệp cho sự kiện tại khu vực châu Á; 80 triệu đồng/doanh nghiệp cho sự kiện tại khu vực châu

Âu, châu Phi, châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/doanh nghiệp cho sự kiện tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ Latinh.

Các nội dung cụ thể: quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến tham dự; tuyên truyền sự kiện trên các phương tiện truyền thông; tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn và kết nối giao thương (hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm); chi phí đi lại cho 01 người/01 doanh nghiệp tham gia, gồm: vé máy bay, vé tàu, vé xe trong nội địa và từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại; vé máy bay và công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì.

Điều 9. Hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Điều 10. Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn và hệ thống quản lý quốc tế cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước

1. Hỗ trợ 70% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý quốc tế của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ 70% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện hoạt động tư vấn áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý quốc tế cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

3. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để thuê Tổ chức đánh giá sự phù hợp để thực hiện hoạt động đánh giá và công nhận việc áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý quốc tế.

4. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để thực hiện đầu tư, thay thế thiết bị, máy móc, cải tiến quy trình sản xuất, quy trình quản lý đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn và hệ thống quản lý quốc tế.

Điều 11. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sản xuất công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện tổ chức khóa đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Các nội dung cụ thể: Chi xây dựng chương trình; Hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; Chi cho giảng viên trong nước, chuyên gia nước ngoài, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật: Thù lao, đi lại, lưu trú, phiên dịch (nếu có); In ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; Văn phòng phẩm, thuê phương tiện, vật tư thực hành lớp học (nếu có); Các khoản chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng, nước uống.

2. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để cử cán bộ, công nhân tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ, năng lực, trong và ngoài nước.

3. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để thực hiện cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, học tập kinh nghiệm, nâng cao trình độ quản lý, phát triển công nghiệp hỗ trợ, gồm: học phí, công tác phí, lưu trú, phương tiện.

Điều 12. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển giải pháp nhà máy thông minh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện tổ chức tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ về quy trình kinh doanh, quản trị, sản xuất, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh; mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ, không quá 200 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 hợp đồng/năm.

2. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để thuê, mua các giải pháp, phần mềm, thiết bị chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và chuyển đổi mô hình kinh doanh; mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ, không quá 200 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa; mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 hợp đồng/năm.

3. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện tổ chức giới thiệu, phổ biến các quy trình công nghệ sản xuất, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, và mô hình nhà máy thông minh áp dụng trong hệ thống quản trị sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

4. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ sẵn sàng và xây dựng lộ trình phát triển nhà máy thông minh theo từng giai đoạn cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

5. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai để thực hiện thuê chuyên gia trong và ngoài nước tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và nhà máy thông minh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

6. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để đầu tư máy móc, thiết bị và công nghệ mới phục vụ chuyển đổi số, tự động hóa và xây dựng nhà máy thông minh.

Điều 13. Hỗ trợ các hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để thực hiện các hoạt động cụ thể sau đây:

1. Thử nghiệm, giám định, kiểm định, tư vấn chứng nhận chất lượng, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

2. Thuê các phòng thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận về chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

3. Thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận về chất lượng sản phẩm tại hệ thống thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận chất lượng thuộc cơ quan quản lý nhà nước.

4. Thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của sản phẩm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

5. Hoạt động nhận diện thương hiệu, đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ và xin cấp mã số mã vạch.

6. Hoạt động thử nghiệm, kiểm nghiệm các hàng hóa, sản phẩm mới mang tính sáng chế.

Điều 14. Hỗ trợ xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ hàng năm

Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì để tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể sau đây:

1. Khảo sát, đánh giá, xây dựng báo cáo hàng năm về phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng.

2. Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

3. Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin.

4. Xuất bản các ấn phẩm về công nghiệp hỗ trợ, vận hành trang thông tin điện tử về công nghiệp hỗ trợ.

5. Tổ chức hội thảo công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ, gồm: Chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, an ninh, lễ tân, tài liệu, nước uống.

Điều 15. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định được quy định, như sau:

TT	Nội dung chi	Mức chi cho Hội đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch UBND thành phố	Mức chi cho Hội đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Công Thương
1	Hội đồng thẩm định		
a	Chi hợp Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người	1.500.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người	1.200.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	300.000 đồng/người	200.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người	150.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá		

TT	Nội dung chi	Mức chi cho Hội đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch UBND thành phố	Mức chi cho Hội đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Công Thương
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	700.000 đồng/phiếu	500.000 đồng/phiếu
2	Tổ thẩm định		
a	Tổ trưởng Tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người	800.000 đồng/người
b	Thành viên Tổ thẩm định	700.000 đồng/người	500.000 đồng/người
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người	200.000 đồng/người
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người	150.000 đồng/người
3	Chi khác		
	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt

Điều 16. Chi quản lý chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định, xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án công nghiệp hỗ trợ; chi khác (nếu có).

2. Mức hỗ trợ

a) Cơ quan quản lý kinh phí công nghiệp hỗ trợ (**Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng**) được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí công nghiệp hỗ trợ do cấp có thẩm quyền giao hằng năm. Mức kinh phí sử dụng tối thiểu là 100 triệu đồng/năm.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ công nghiệp hỗ trợ triển khai thực hiện đề án công nghiệp hỗ trợ được chi tối đa 3% dự toán đề án công nghiệp hỗ trợ (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được chi không quá 4% dự toán) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Thẩm quyền quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hỗ trợ các hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 8, khoản 4 Điều 10 và khoản 6 Điều 12 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Công Thương quyết định hỗ trợ các hoạt động quy định tại Chương II trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Sở Công Thương tổ chức thông báo, tiếp nhận đăng kí từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, thành lập Hội đồng xét chọn các nội dung đề xuất được hỗ trợ theo Quy định này cho năm tiếp theo.

2. Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Sở Công Thương căn cứ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn (5 năm) đã được UBND thành phố phê duyệt và trên cơ sở đánh giá xét chọn, xây dựng dự toán kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố năm tiếp theo, gửi Sở Tài chính tổng hợp, đưa vào kế hoạch ngân sách thành phố hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bố trí dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết này.

2. Căn cứ vào dự toán ngân sách thành phố được giao thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm, Sở Công Thương phê duyệt và thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm theo quy định.

3. Trường hợp có điều chỉnh thay đổi dự toán và nội dung thực hiện Chương trình hàng năm, Sở Công Thương xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

b) Ban hành và chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố theo từng giai đoạn và hàng năm.

c) Chỉ đạo việc xây dựng dự toán, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách theo Nghị quyết này phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi, vướng mắc trong việc thực hiện các nội dung Quy định, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.